

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04/02/2025
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Khuyển.

2. Ông Huỳnh Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kim Thị L, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Thạch L1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Kim Thị L trình bày yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2015 tôi và anh Thạch L1 xác lập hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống vợ chồng hay cãi nhau do tính tình không hợp, quan điểm sống của mỗi người khác nhau, năm 2016 anh L1 tự ý bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với Thạch Len .

-Về con chung: Thạch Ben sinh ngày 15/7/2016 hiện tại chị L đang nuôi dưỡng, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thạch L1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Thạch Ben sinh ngày 15/7/2016 là con chung của chị L và anh L1 có lời khai cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ là Kim Thị L.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L ly hôn anh L1. Về con chung: Thạch Ben sinh ngày 15/7/2016 có nguyện vọng sống chung với chị L nên đề nghị chấp nhận cho chị L tiếp tục nuôi con chung theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung chị L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí chị Kim Thị L là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên xét chị L không phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị L và anh L1 là tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, chị L xin xét xử vắng mặt, anh L1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh L1.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Kim Thị L và anh Thạch L1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 08/6/2015 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị L và anh L1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị L xin ly hôn anh L1, theo đơn khởi kiện của chị L thì sau khi cưới nhau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, sau đó anh L1 bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân, thời gian ly

thân thì vợ chồng không bàn bạc việc đoàn tụ, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn đoàn tụ được. Chị L cương quyết xin được ly hôn.

Tòa án xét thấy hôn nhân là tự nguyện và xuất phát từ tình cảm của hai phía, tuy nhiên sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tòa án triệu tập chị L và anh L1 đến tòa án để hoà giải việc hôn nhân của anh chị, nhưng anh L1 không đến để giải quyết hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng chị L thì cương quyết xin được ly hôn.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh L1 là trầm trọng, đời sống chung hạnh phúc không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Thạch B, sinh ngày 15/7/2016 hiện tại chị L đang nuôi dưỡng, cháu B có nguyện vọng sống chung với chị L khi cha mẹ ly hôn.

Xét thấy con chung tên Thạch B từ khi vợ chồng ly thân, chị L nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con đã ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, cháu B có nguyện vọng sống chung với chị L và chị L có yêu cầu được nuôi con chung vì vậy chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị L, giao con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh Thạch L1 cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị L và anh L1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Kim Thị L là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên xét chị L không phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Kim Thị L được ly hôn anh Thạch Len .
- Về con chung: Giao con tên Thạch B, sinh ngày 15/7/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Thạch L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Kim Thị L không phải chịu án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

TAND tỉnh Trà Vinh;

- VKSND huyện Cầu Ngang;

- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;

- Các đương sự;

- UBND xã Nhị Trường;

- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh